



TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH - TUYÊN NGÔN TỎA SÁNG TƯ TƯỞNG NHÂN QUYỀN VÀ DÂN QUYỀN CỦA CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC

LÊ VĂN YÊN*

Cách đây 69 năm, ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuyên ngôn không chỉ là văn kiện quan trọng của Đảng và dân tộc ta trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, tự do, mà còn là bản tuyên ngôn tỏa sáng tư tưởng nhân quyền và dân quyền của các dân tộc bị áp bức, bởi nó vừa khẳng định những nguyên tắc pháp lý về độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, vừa khẳng định tính pháp lý về quyền dân tộc và quyền cơ bản của con người.

CHỦ tịch Hồ Chí Minh là nhà chiến lược thiên tài. Từ rất sớm, Người đã chỉ rõ, vấn đề cơ bản và là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam là *kết hợp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới*. Chính Người đã sáng tạo ra và thực hiện xuất sắc đường lối chiến lược đó. Tư tưởng chiến lược đó được thể hiện đầy đủ và sinh động tại Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5-1941) - được gọi là sự chỉ đạo chuyên hướng chiến lược. Tại Hội nghị, Người đưa ra nhận định, thời cơ giải phóng dân tộc ta sắp đến, bởi vậy, Đảng phải hướng vào nhiệm vụ trung tâm của cách mạng Việt Nam lúc này là tập hợp mọi lực lượng vào Mặt trận Dân tộc đoàn kết cứu nước, chuẩn bị tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền. Dưới sự lãnh đạo của Người, đội quân chính trị là các đoàn thể cứu quốc và Mặt trận Việt Minh ra đời, đội quân vũ trang được thành lập và phát triển nhanh chóng trong khí thế xông lên lật đổ ách thống trị “kép” của thực dân Pháp và phát-xít Nhật.

Với kinh nghiệm 30 năm hoạt động trong phong trào cách mạng thế giới và với linh khiếu chính trị sắc sảo của nhà chiến lược thiên tài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện sự tài tình trong nghệ thuật tạo thời cơ và nắm vững thời cơ cách mạng. Trước hai cao trào cách mạng đầu những năm 30 và 40 của thế kỷ XX, Người đều khẳng định thời cơ lớn cho dân tộc ta đứng lên giải phóng chưa đến. Nhưng khi phát-xít Đức tấn công Liên Xô, Người cho rằng, bọn phát-xít nhất định sẽ thất bại, Liên Xô và các lực lượng dân chủ nhất định thắng lợi, đó là thời cơ lớn cho cách mạng Việt Nam. Người phát động phong trào cứu quốc, chuẩn bị thực lực bên trong, để khi tình hình quốc tế chuyển biến có lợi thì lập tức nổi dậy giành chính quyền. Đúng như dự báo của Người, chỉ sau hai năm tấn công ào ạt vào lãnh thổ Liên Xô, quân phát-xít Đức bị chặn đứng, quân đội Xô-viết chuyển sang phản công. Tháng 10-1944, Người kịp thời gửi thư cho đồng bào cả nước, chỉ rõ: “Phe xâm lược gần đến ngày bị

* PGS, TS, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật

tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!”⁽¹⁾. Tháng 5-1945, phát-xít Đức bị đánh bại; tháng 8-1945, phát-xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Thời cơ lớn đã đến với dân tộc Việt Nam chỉ ngắn ngủi trong khoảng 10 ngày, từ ngày 15 đến ngày 25-8-1945. Kịp thời nắm thời cơ có một không hai đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Người kêu gọi: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!”⁽²⁾. Đáp lời kêu gọi của Người, nhân dân ta nhất tề đứng lên giành chính quyền trong cả nước. Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Người soạn thảo, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mở đầu *Tuyên ngôn*, Người nhắc đến tư tưởng vĩ đại của Thô-mát Giép-phơ-xon trong *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ, rằng: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”⁽³⁾. Đồng thời, Người cũng nhắc đến tư tưởng của các nhà triết học thế kỷ XVIII trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* năm 1791 của nước Pháp: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”⁽⁴⁾. Rõ ràng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo vận dụng những tinh hoa của các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng con người trên một thế kỷ rưỡi trước đây của nhân loại tiến bộ được thể hiện ở những lời “bắt

hủ ấy” trong hai bản tuyên ngôn nói trên để khẳng định “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”, đồng thời làm cơ sở cho những kết luận mới của Người. Nhắc lại những tư tưởng trên, Người muốn khẳng định rằng, nhân dân Việt Nam không hề xa lạ với những tư tưởng tiến bộ trong lịch sử nhân loại và những tư tưởng đó đã trở thành giá trị tinh thần chung của thế giới; nước Việt Nam hoàn toàn tán thành và có ý tưởng chung với nhân loại tiến bộ về tính pháp lý của quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người.

Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, sau khi khẳng định quyền con người với ý nghĩa là quyền con người nói chung và quyền mỗi con người nói riêng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn “suy rộng ra” và nâng lên thành tính pháp lý về quyền của tất cả các dân tộc trong thời đại mới, đó là: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Đó là kết luận hợp lý, lô-gíc và là nét sáng tạo của Người. Từ kết luận đó, Người lên án chính sách thống trị tàn bạo về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, giáo dục, ngoại giao của thực dân Pháp tại Việt Nam hơn 80 năm, đồng thời kết tội danh thếp bợn thực dân, đế quốc xâm lược, cụ thể là thực dân Pháp và phát-xít Nhật, đã xâm phạm quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. *Tuyên ngôn* còn khẳng định, nhân dân Việt Nam đã gan góc đứng lên đánh đổ các xiềng xích nô lệ của bọn thực dân, đế quốc, phát-xít gần một trăm năm, đánh đổ chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến mấy mươi thế kỷ để lập nên chế độ dân chủ cộng hòa là đương nhiên, hợp lẽ phải, hợp lô-gíc và đó là quyền hoàn toàn chính đáng của dân tộc Việt Nam. Do đó, xóa bỏ ách thống trị thực dân, phong kiến, giành độc lập, tự do cho dân tộc là điều kiện tiên quyết thực hiện quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc cho con người. Vì thế, trong *Tuyên ngôn*, Chủ tịch Hồ Chí Minh

(1), (2), (3), (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 3, tr. 505 - 506, 554, 555

tuyên bố xóa bỏ mọi ràng buộc bất bình đẳng giữa Việt Nam và Pháp, xóa bỏ tất cả đặc quyền, đặc lợi của Pháp trên đất nước Việt Nam. Đó cũng là điều hợp lẽ phải, phù hợp với tính pháp lý và lý tưởng chung của nhân loại tiến bộ về quyền con người và quyền dân tộc cơ bản.

Từ việc nâng quyền con người thành quyền dân tộc cơ bản, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn lưu ý các lực lượng tiến bộ trên thế giới lúc đó công nhận quyền độc lập, tự do của nước Việt Nam mới. Ngay trong *Tuyên ngôn*, Người đã kêu gọi Liên hợp quốc: “Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Tê-hê-răng và Cựu Kim Sơn quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”⁽⁵⁾. Trong *Tuyên ngôn*, Người không những khẳng định nguyên tắc pháp lý về quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam và các dân tộc trên thế giới, mà còn chỉ rõ thực tiễn đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam vì các quyền dân tộc thiêng liêng đó. Kết thúc bản *Tuyên ngôn*, Người khẳng định ý chí đanh thép quyết tâm giành và giữ nền độc lập, tự do của dân tộc ta, đồng thời trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Thật ra, ngay trong những ngày diễn ra cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, nhân danh Ủy ban Dân tộc giải phóng của Mặt trận Việt Minh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu nhà cầm quyền Mỹ thông báo cho Liên hợp quốc ủng hộ Việt Nam giành độc lập: “Chúng tôi đã đứng về phía Liên hợp quốc chống lại bọn Nhật. Nay bọn Nhật đã đầu hàng. Chúng tôi yêu cầu Liên hợp quốc thực hiện lời hứa long trọng của mình là tất cả các dân tộc đều được hưởng dân chủ và độc lập”⁽⁶⁾. Cũng tại Quảng trường Ba Đình, sau khi đọc xong bản *Tuyên ngôn Độc lập*, thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam mới, Người tuyên thệ và căn dặn: “Độc lập tự do là của quý báu, quý

giá vô ngần, ta đã khổ sở trong bao nhiêu năm mới giành được, cần phải cố gắng giữ gìn, bảo vệ”⁽⁷⁾. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công không lâu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư, điện cho nguyên thủ quốc gia của nhiều nước trên thế giới, như Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc,... và cả Liên hợp quốc, đề nghị ủng hộ và công nhận nền độc lập chính đáng của Việt Nam. Tất cả những điều nêu trên cho thấy, Người luôn kiên trì tư tưởng, quan điểm về quyền dân tộc cơ bản và quyền cơ bản của con người.

Trước toàn thế giới, *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam - Hồ Chí Minh là hòn đá tảng pháp lý đầu tiên khẳng định cả trên nguyên tắc và trên thực tế quyết tâm sắt đá của nhân dân Việt Nam về quyền được sống trong độc lập, tự do và mưu cầu hạnh phúc, về quyền bình đẳng giữa quốc gia dân tộc Việt Nam với tất cả các quốc gia dân tộc trên thế giới. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo đã gắn liền với cuộc đấu tranh của nhân loại tiến bộ nhằm giải phóng giai cấp, giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công, bất bình đẳng, thực hiện các quyền tự do, dân chủ cơ bản cho mọi người.

Một trong những cống hiến vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là gắn độc lập của dân tộc với tự do, hạnh phúc của con người, gắn quyền dân tộc thiêng liêng với quyền cơ bản của con người. Cũng từ thực tiễn cuộc đấu tranh thắng lợi của nhân dân Việt Nam, hai khái niệm pháp lý nói trên đã được phát triển thành khái niệm mới: *quyền dân tộc cơ bản*. Suốt cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam, mà còn đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân thế giới. Từ rất sớm, Người đã giương cao ngọn cờ bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản và quyền cơ bản của con người, cùng ngọn cờ độc lập dân

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, tr. 557

(6), (7) Viện Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t. 2, tr. 273, 290

tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Đó cũng chính là quan điểm đầy tính nhân văn của Người.

Chỉ hơn một nghìn từ với nội dung ngắn gọn, hùng vĩ, *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam - Hồ Chí Minh đã vượt qua thời gian, không gian và được coi là bản *tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền* của các dân tộc đấu tranh cho độc lập, tự do, hạnh phúc, văn minh và loại bỏ mọi bất công, bất bình đẳng. Đúng như M. Át-mét - nguyên Giám đốc UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đánh giá: Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này.

*

* *

Hiện nay, tình hình quốc tế biến chuyển nhanh chóng và có những diễn biến phức tạp hơn so với những năm trước đây. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội vẫn gặp nhiều khó khăn. Sự nghiệp cách mạng nước ta đứng trước nhiều cơ hội và thách thức đan xen, tác động tổng hợp. Các thế lực thù địch vẫn thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" nhằm chống phá nước ta. Nhiệm vụ đặt ra cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta là nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, phấn đấu xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát huy tinh thần bất diệt của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước mắt, chúng ta cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là, hoàn thiện bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tạo bước chuyển mạnh mẽ về cải cách hành chính. Cải cách thủ tục hành chính phải luôn được tiến hành đồng thời với quá trình xây dựng thể chế nhà

nước. Đẩy mạnh cải cách lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đổi mới tư duy và quy trình xây dựng pháp luật. Tập trung xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, bảo đảm quản lý thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đồng bộ, nâng cao chất lượng và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống pháp luật cùng thể chế và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng. Phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, mở rộng quan hệ hợp tác đa phương, song phương, hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế. Nắm vững và kết hợp hài hòa phương châm vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong quan hệ quốc tế; giữ vững nguyên tắc chiến lược, mềm dẻo trong sách lược; sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Làm sâu sắc mối quan hệ với các đối tác quan trọng, nâng cao vai trò của nước ta trong định hướng hoạt động của ASEAN. Tích cực tham gia các hoạt động tại Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng với ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân, giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa, giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

Ba là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chủ trương, chính sách và có đối sách phù hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh, lợi ích và chủ quyền quốc gia. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, đặc biệt là ở những địa bàn trọng điểm, vùng biên giới và vùng biển, đảo, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Xây dựng lực lượng quân đội, công an trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chủ động hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, nhất là trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam yêu quý của chúng ta. □